

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 30/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 5 năm 1991

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với ngành khai thác thủy sản

Thi hành Luật thuế doanh thu, Luật thuế lợi tức và Nghị định số 351/HĐBT, số 353/HĐBT ngày 2-10-1990 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết Luật thuế doanh thu và Luật thuế lợi tức;

Căn cứ vào Pháp lệnh Thuế tài nguyên ngày 30-3-1990 của Hội đồng Nhà nước, Nghị định số 05/HĐBT ngày 7-1-1991 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết Pháp lệnh Thuế tài nguyên và Thông tư số 07/TC-TCT ngày 7-2-1991 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động của ngành khai thác thủy sản; sau khi thống nhất với Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế doanh thu, Luật thuế lợi tức, Pháp lệnh thuế tài nguyên và chế độ quản lý thu thuế đối với ngành khai thác thủy sản như sau:

I- PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Mọi tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế, không phân biệt trong nước hay nước ngoài, hoạt động thường xuyên hay không thường xuyên; có địa điểm cố định hay lưu động (dưới đây gọi chung là cơ sở khai thác) có hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản tự nhiên thuộc lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là đối tượng thi hành các luật thuế, Pháp lệnh thuế hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Những hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành thủy sản không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư này, bao gồm:

Khai thác, đánh bắt thủy sản nuôi trồng.

Thu mua, chế biến, kinh doanh xuất, nhập khẩu thủy sản.

Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác kể cả trực tiếp phục vụ cho hoạt động khai thác thủy sản tự nhiên.

Những hoạt động này phải nộp thuế doanh thu, thuế lợi tức, thu sử dụng vốn ngân sách và các khoản phải nộp khác theo đúng chế độ hiện hành.

II- CHÍNH SÁCH THU VÀ CĂN CỨ TÍNH THUẾ

1. Các chính sách thuế đang áp dụng đối với hoạt động khai thác thủy sản bao gồm:

Thuế tài nguyên, là trả tiền khai thác tài nguyên của Nhà nước, được hạch toán vào chi phí khai thác của cơ sở.

Thuế doanh thu tính trên doanh thu bán thủy sản khai thác.

Thuế lợi tức thu vào tổ chức, cá nhân, có lợi tức kinh doanh khai thác thủy sản.

Ngoài ra, tùy thuộc vào thành phần kinh tế mà các cơ sở khai thác thủy sản còn phải thực hiện các chính sách thu và thuế hiện hành như:

Các cơ sở khai thác thuộc kinh tế ngoài quốc doanh phải nộp thuế môn bài (là khoản lệ phí đăng ký hành nghề hàng năm) nộp ngay từ đầu năm theo loại hộ, bậc môn bài quy định tại Quyết định số 421-HĐBT ngày 10 tháng 12 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các cơ sở kinh tế quốc doanh phải nộp thu sử dụng vốn ngân sách 0,3% tháng, nộp khấu hao cơ bản tài sản cố định thuộc nguồn vốn ngân sách và các khoản phải nộp khác theo chế độ Nhà nước quy định.

2. Căn cứ tính thuế:

Căn cứ tính thuế là số lượng thủy sản tính thuế, giá tính thuế, và thuế suất.

a) Số lượng thủy sản tính thuế: là số lượng thủy sản thực tế khai thác trong kỳ:

Đối với cơ sở khai thác lớn, thực hiện chế độ sổ sách chứng từ kế toán đúng quy định của Nhà nước (dưới đây gọi chung là cơ sở nộp thuế theo phương pháp kê khai), là số lượng thủy sản khai thác trong kỳ.

Cơ sở khai thác nhỏ thực hiện khoán số lượng tính thuế (dưới đây gọi chung là cơ sở nộp thuế theo phương pháp khoán số lượng).

Phương pháp khoán phải là kết quả cộng tác chặt chẽ thường xuyên giữa ngành thuế và ngành thủy sản, phải dựa trên dự điều tra thực tế điển hình trong kỳ, kết hợp với tham khảo qua các năm trước về năng lực khai thác như: số đầu phương tiện, số mã lực (CV) công suất của phương tiện, ngành nghề đánh bắt, năng suất thực tế đánh bắt, điều kiện về lao động vật tư tiền vốn của từng cơ sở, mùa vụ, ngư trường khơi lội v.v... để xác định số lượng khai thác.

Việc ấn định mức khoán số lượng làm căn cứ tính thuế cho từng cơ sở phải thực hiện chu đáo, bảo đảm công khai dân chủ, phải lập thành biên bản có ký nhận của cơ sở, ký duyệt của lãnh đạo cơ quan trực tiếp thu thuế trước khi lập số thuế và phát hành thông báo. Mức khoán số lượng tính thuế do Cục thuế tỉnh, thành phố cùng với cơ quan thủy sản thống nhất trình Ủy ban nhân dân địa phương quy định, công bố chính thức để thực hiện ổn định trong 3 năm. Đối với các cơ sở khi có biến động khoảng 30% do tăng sản lượng khai thác thì phải xem xét điều chỉnh lại sản lượng cho phù hợp thực tế, bảo đảm sự đóng góp được công bằng.

b) Giá tính thuế: là giá bán thực tế bình quân từng loại thủy sản khai thác trong kỳ tính thuế trên thị trường địa phương.

Đối với cơ sở khai thác nộp thuế theo phương pháp kê khai: giá tính thuế là giá bán thực tế bình quân từng loại thủy sản tại cơ sở khai thác ghi trên hoá đơn bán hàng do Bộ Tài chính phát hành.

Nếu thủy sản khai thác bán ra có doanh thu bằng ngoại tệ thì thuế tính bằng ngoại tệ và quy đổi ra tiền Việt Nam theo tỉ giá mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế, hoặc có thể nộp bằng ngoại tệ theo quy định của Bộ Tài chính

Đối với cơ sở nộp thuế theo phương pháp khoán số lượng.

Để bảo đảm giá tính thuế tương đối sát với thực tế thị trường, tùy tình hình cụ thể của mỗi địa phương, trong mỗi đợt tổ chức khoán số lượng, khoán thuế, các Cục thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương phải phối hợp với các cơ quan liên quan (thủy sản, tài chính, vật giá) quy định giá tính thuế thủy sản phù hợp với giá cả thị trường địa phương và thông báo cho cơ sở thực hiện, khi giá cả biến động (tăng hoặc giảm) đến 20% trở lên thì phải điều chỉnh lại doanh thu và mức thuế khoán cho phù hợp với thực tế.

c) Thuế suất:

Cơ sở khai thác thủy sản (không phân biệt cơ sở nộp thuế theo phương pháp kê khai hay phương pháp khoán) xác định một tỉ lệ thuế suất chung áp dụng cho các loại thuế như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số thuế} \\ \text{khoán phải} \\ \text{nộp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{thuế tài} \\ \text{nguyên} \end{array} + \begin{array}{l} \text{thuế doanh thu} \\ \text{nguyên} \end{array} + \begin{array}{l} \text{thuế lợi tức} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Lấy tổng số thuế khoán chia cho doanh thu thì tìm được tỉ lệ thuế khoán trên doanh thu.

Thuế tài nguyên áp dụng đối với tổ chức, cá nhân là người Việt Nam khai thác thủy sản thực hiện theo quy định tại Thông tư số 07-TC/TCT ngày 7-2-1991 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Pháp lệnh thuế tài nguyên.

Thu 3% đối với khai thác thủy sản tự nhiên trên sông, ngòi, hồ v.v...

Thu 4% khai thác thủy sản tự nhiên trên biển, riêng: khai thác tổ yến thu 10%, khai thác đồi mồi, ngọc trai, hải sâm, san hô đỏ 6%.

Thuế doanh thu, thu 2% trên doanh số bán thủy sản khai thác.

Thuế lợi tức: thu 1% trên doanh thu đối với hộ nhỏ; 30% trên lợi tức chịu thuế đối với các cơ sở nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Để xác định tỉ lệ thuế lợi tức, cần tổ chức điều tra điển hình về chi phí sản xuất kinh doanh, tính đúng tính đủ các yếu tố chi phí và các loại thuế phải nộp được trừ; xác định lợi tức chịu thuế trong kỳ của từng loại cơ sở.

Đối với các cơ sở loại vừa và loại lớn, nộp thuế theo phương pháp kê khai, nhưng thực chất vẫn khoán các loại thuế tính trên doanh số, trong trường hợp này áp dụng thuế suất 30% trên lợi tức chịu thuế để tìm ra tỉ lệ thuế lợi tức tính trên doanh số như sau:

Tỉ lệ thuế lợi tức	=	Tổng số lợi tức chịu thuế trong kỳ x 30%
tính trên doanh số		Tổng số doanh thu tính thuế trong kỳ

III- KÊ KHAI ĐĂNG KÝ NỘP THUẾ

Theo quy định của các luật thuế và Pháp lệnh thuế thì các cơ sở khai thác; thủy sản phải nộp thuế tài nguyên tại địa phương khai thác nộp thuế doanh thu tại cơ sở kinh doanh bán hàng có doanh thu, nộp thuế môn bài, thuế lợi tức và các khoản phải nộp khác (nếu có) tại nơi cơ sở đặt trụ sở chính. Do đặc điểm của hoạt động khai thác thủy sản và bảo đảm sự quản lý thu thuế chặt chẽ tại gốc, việc kê khai đăng ký nộp thuế, đối với các cơ sở khai thác thủy sản như sau:

1. Kê khai đăng ký về thuế:

Tất cả các cơ sở khai thác thủy sản, chậm nhất là 5 ngày trước khi bắt đầu hoạt động (hoặc tách, nhập, giải thể) và hàng năm, chậm nhất là 15 ngày của tháng đầu năm phải đăng ký về thuế với cơ quan thuế địa phương trực tiếp quản lý thu thuế (nơi quản lý hộ khẩu và cấp giấy phép kinh doanh).

Các cơ sở khai thác thủy sản phải thực hiện chế độ sổ sách kế toán theo Pháp lệnh kế toán thống kê của Hội đồng Nhà nước, chế độ lập chứng từ mua bán hàng, thu tiền theo đúng các quy định của Nhà nước, Đối với kinh tế ngoài quốc doanh, tùy theo quy mô kinh doanh do quy định của cơ quan thuế địa phương cũng phải thực hiện chế độ kế toán tư nhân do Bộ Tài chính đã ban hành.

Kê khai đăng ký về thuế phải làm 2 bản gửi cơ quan thuế, ghi đủ các loại thuế phải nộp; thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế doanh thu, thuế lợi tức, các khoản phải nộp khác theo chế độ quy định, và các chỉ tiêu ghi trong mẫu, kèm theo Thông tư này (mẫu số 1).

Nhận được tờ khai đăng ký về thuế, cơ quan thuế phải:

Kiểm tra tài liệu kê khai, đối chiếu với tình hình thực tế, xác nhận vào tờ khai: 1 bản trả lại cơ sở lưu giữ chứng minh đã làm thủ tục đăng ký, 1 bản cơ quan thuế giữ (bộ phận kế toán).

Xử lý các cơ sở kê khai không đúng luật và Pháp lệnh thuế quy định.

Phân loại cơ sở ghi các chỉ tiêu đăng ký của từng tờ khai vào sổ danh bạ và các cơ sở đăng ký về thuế theo đúng mã số ngành nghề của từng thành phần kinh tế.

Phân công bố trí cán bộ quản lý thu thuế phù hợp với quy mô và trình độ quản lý sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Phối hợp với cơ quan thủy sản trong việc quản lý và cấp Giấy phép kinh doanh, cấp sổ khai thác thủy sản cho cơ sở.

Thông báo các loại thuế phải nộp, số thuế và kỳ hạn nộp thuế cho các đối tượng nộp thuế trong tháng 1 hàng năm, bao gồm các loại thuế môn bài, thuế tài nguyên, thuế doanh thu, thuế lợi tức...

2. Thủ tục nộp thuế:

Thuế môn bài ngay từ đầu năm; các loại thuế tài nguyên, doanh thu, lợi tức nộp theo định kỳ, thời hạn nộp do cơ quan thuế quy định.